

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 8 - 2022
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhân.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nghiêm Thị H1, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Q, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy P1, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã H2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nghiêm Thị H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Duy P1 tổ chức lễ cưới vào năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 24/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng điều hòa mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nên chị mang

con về nhà cha mẹ ruột của chị sống ly thân với anh P1 từ tháng 3/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh P1.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh P1 có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Duy P2, sinh ngày 14/5/2018, hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu P2, không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Duy P1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị H1 và anh P1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không điều hòa được làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến mất hạnh phúc. Chị H1, anh P1 có thời gian sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh P1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P1 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị H1. Căn cứ vào lời trình bày của chị H1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị H1 và anh P1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị H1 và anh P1.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị H1 và anh P1 có với nhau 01 người con chung là cháu P2 đã trên 04 tuổi còn trong độ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ, hiện chị H1 nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P1 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của chị H1. Để ổn định môi trường sống, học tập và quyền lợi về mọi mặt của cháu P2. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu P2 cho chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị H1 không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng cho con, anh P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị H1 phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nghiêm Thị H1 và anh Nguyễn Duy P1.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Duy P2, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2018 cho chị Nghiêm Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Nghiêm Thị H1 không yêu cầu anh Nguyễn Duy P1 cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Nguyễn Duy P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nghiêm Thị H1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H1 đã nộp theo biên lai thu số N_o 0010617 ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nghiêm Thị H1, vắng mặt anh Nguyễn Duy P1. Báo cho chị H1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh P1 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã H2: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân